TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày: 10/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trần Quốc Thịnh
2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Lợi - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc L, sinh năm 1989, tại thành phố Hồ Chí Minh (Tên gọi khác: Su). Nơi đăng ký thường trú: B 334/19 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi sinh sống (Cư trú): Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh LA; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Lý Thị Mỹ L (đã chết).

Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số 85/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa xóa án tích;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/03/2019 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

***Bị hại*:**

1. Anh Nguyễn Thành Ta, sinh năm 1979 (Có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp 3, xã TT, huyện CĐ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Vào đêm ngày 04, rạng sáng ngày 05/02/2019, Phạm Ngọc L đến chùa Thiên Mụ thuộc ấp 1B, xã TT, huyện CĐ, L nghe có tiếng gà gáy nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/02/2019, L lấy 01 (một) giỏ đệm, 01 (một) đèn pin, 01 (một) kiềm cộng lực và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59C1 – 415.23 đến nhà anh Ta. L dựng xe ở sân và đi cặp bên hông xuống phía sau nhà, L thấy có gà nhưng không bắt được do gà ngủ trên cao. L quay trở lên nhà, thấy cửa nhà anh Ta không khóa, bên trong có mở đèn nhưng không có người ở nên mở cửa đi vào. L đến bàn thờ và bàn vuông ở nhà trước, lấy 02 (H) cặp chân đèn bằng đồng, 01 (một) hộp nước yến và 01 (một) hộp bánh bỏ vào giỏ đệm, xách ra để ngoài đường. Tiếp tục L vào nhà lấy 02 (H) thùng bia lon hiệu Tiger trên bộ ván đem ra ngoài. Khi L đang để tài sản trộm được lên xe thì anh Ta về đến. L bỏ tài sản lại, đẩy xe vào bụi chuối trốn. Anh Ta phát hiện, lấy cây thủ sẵn và kêu người nhà mở đèn L đề máy xe bỏ chạy nhưng bị ngã xuống đường, anh Ta cầm cây chạy lại và tri hô, L lấy đá xanh chọi anh Ta nhưng không trúng. Tiếp đến, L dùng tay đánh anh Ta nhưng thấy anh Ta không có cây nên L lấy đoạn cây dài 60cm quay lại đánh Ta, nhằm mục đích lấy xe tẩu thoát. Anh Ta dùng cây đánh trả làm cây của L gãy. Lúc này có anh Nguyễn Thành Hạ và anh Phan Tuấn Kiệt chạy đến, L thấy đông người nên bỏ chạy nhưng bị bắt thu giữ tang vật gồm: 01 (một) cặp chân đèn bằng đồng cao 50cm, nặng 10,1kg; 01 (một) cặp chân đèn bằng kim loại, nặng 2,9kg, cao 38cm; 01 (một) hộp nước yến hiệu Bidrico 06lon, thể tích 240ml/lon; 01 (một) hộp bánh ngọt hiệu Kinh Đô cosy trọng lượng 630g; 02 (H) thùng bia hiện Tiger 24 lon; 01 (một) giỏ đệm, 01 (một) đèn pin, 01 (một) kiềm cộng lực bằng kim loại cán bọc nhựa màu đen dài 32cm; xe mô tô biển kiểm soát 59C1 – 415.23.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 04/KL-HĐĐGTS ngày 05/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CĐ kết luận số tài sản mà Phạm Ngọc L trộm của anh Ta, chị H là 3.312.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, muốn trộm gà của anh Ta nên bị cáo chuẩn bị giỏ đệm, kềm cộng lực, đèn pin và xe môt tô để đi đến nhà anh Ta nhằm trộm gà bán lấy tiền nhưng khi đến nhà anh Ta

không thấy gà, cửa nhà đóng hờ nên bị cáo lẻn vào nhà trộm tài sản của anh Ta, chị H. Bị cáo bị truy cứu về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản; Lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người bị hại anh Nguyễn Thành Ta có lời trình bày tại phiên tòa: phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Tại phiên tòa anh Ta không yêu cầu bồi thường thiệt hại và đã nhận lại đủ tài sản.

Người bị hại chị Nguyễn Thị H và những người làm chứng trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CĐ đúng với diễn biến sự việc như bị cáo và anh Ta đã khai tại phiên tòa. Sau khi được Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại và những người làm chứng vắng mặt, bị cáo thừa nhận là phù hợp với hành vi của bị cáo, không có ý kiến phản đối.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSCĐ ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA truy tố bị cáo Phạm Ngọc L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Ngọc L đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi của bị cáo xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an Ta xã hội nên cần phải nghiêm trị.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có ông nội là liệt sĩ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 giỏ đệm, 01 một kiềm cộng lực bằng kim loại cán bọc nhựa bằng màu đen dài 32cm, 01 đèn pin. Tịch thu sung công quỹ 01 chiếc xe mô tô Luvias màu trắng, biển kiểm soát 59C1 – 415.23, số máy 073206, số khung 073205 do Phạm Ngọc L đứng tên chủ sở hữu mà bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi người bị hại và xin được nhận lại chiếc xe để có điều kiện kiếm sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 05/02/2019, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa. Lợi dụng sự sơ hở của anhTa, chị H bị cáo L đã vào nhà anh Ta, chị H lét lút chiếm đoạt tài sản của anh Ta, chị H. Khi bị anh Ta phát hiện và bắt lại thì bị cáo đánh trả lại anh Ta nhằm mục đích tẩu thoát.

[2.1] Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CĐ, tỉnh LA kết luận: giá trị tài sản mà bị cáo L trộm của anh Ta là 3.312.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với cùng tình tiết định khung hình phạt là "Hành hung để tẩu thoát" tại điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA đối với bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

đ)Hành hung để tẩu thoát.

[2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm " theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có ông nội là liệt sĩ đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] *Xét hình phạt đối với bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có 1 tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội và nhân thân xấu. Là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ bị cáo phải chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Nhưng bị cáo lại thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động; trộm cắp tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác.Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục.

[2.5] *Xét hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.6] *Xét trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 giỏ đệm, 01 một kiềm cộng lực bằng kim loại cán bọc nhựa bằng màu đen dài 32cm, 01 đèn pin. Tịch thu sung công quỹ 01 chiếc xe mô tô Luvias màu trắng, biển kiểm soát 59C1 – 415.23, số máy 073206, số khung 073205 do Phạm Ngọc L đứng tên chủ sở hữu mà bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[4] *Về án phí*: Bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 173 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "**Trộm cắp tài sản**" :

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 02 (H) năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Miễn phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng, tang vật của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 giỏ đệm, 01 một kiềm cộng lực bằng kim loại cán bọc nhựa bằng màu đen dài 32cm, 01 đèn pin.

Tịch thu sung công quỹ 01 chiếc xe mô tô Luvias màu trắng, biển kiểm soát 59C1 – 415.23, số máy 073206, số khung 073205 do Phạm Ngọc L đứng tên chủ sở hữu.

Các vật chứng hiện nay Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CĐ, tỉnh LA đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2019.

Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện CĐ;
- VKSND tỉnh LA;
- Cơ quan CSĐT CA huyện CĐ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện CĐ;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ H ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của H Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ H chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong H ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công kH bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy

định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp th ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)